

## Mục 1 - NHẬN DẠNG NGUYÊN LIỆU VÀ NHÀ CUNG CẤP

Văn Phòng Đại Diện Ensystem Company Limited  
 Tại Thành Phố Hồ Chí Minh  
 Tầng 4, Số 385A, Đường Cộng Hòa, Phường 13,  
 Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 028 22539507

<b>Tính chất hóa học:</b>	<b>Chế phẩm tạo khói diệt côn trùng có chứa deltamethrin</b>
<b>Tên thương mại:</b>	<b>FUMITHOR™ DELTA Insecticide Smoke Generator</b>
<b>Mã sản phẩm:</b>	VNDP-HC-052-08-24
<b>Công dụng:</b>	Thuốc diệt côn trùng dùng theo hướng dẫn trên nhãn sản phẩm
<b>Ngày tạo:</b>	<b>02/2014</b>
<b>Phiên bản này được phát hành vào:</b>	<b>04/2025</b> và có hiệu lực trong vòng 5 năm tính từ tháng này.

## Mục 2 - NHẬN DẠNG CÁC MỐI NGUY

### Báo cáo về tính chất nguy hiểm

**Phân loại SUSMP:** S6

**Phân loại ADG:** Không thuộc phạm vi quy định của ADG khi vận chuyển bằng Đường Bộ hoặc Đường Sắt ở Úc trong bao bì 500kg (L) trở xuống; hoặc IBCs (tham khảo SP AU01).

**Phân loại IATA/IMDG/ADR/RID:** Khi khối lượng tịnh cho mỗi bao bì đơn hoặc bao bì bên trong là 5 L trở xuống đối với chất lỏng hoặc 5 kg trở xuống đối với chất rắn, hàng hóa có thể được vận chuyển như hàng hóa không nguy hiểm theo quy định đặc biệt A197 của các quy định IATA, quy định đặc biệt 375 của ADR/RID và mục 2.10.2.7 của mã IMDG. Sản phẩm này luôn được đóng gói 5 kg trở xuống. Xem chi tiết tại Mục 14 của SDS này.

**Số UN:** 3077

**Phân loại GHS:**

- Độc tính cấp tính (qua đường miệng): loại 5
- Gây kích ứng mắt: loại 2
- Nguy hiểm cho môi trường nước – loại 1



### Tự hiệu GHS: CẢNH BÁO

#### THÔNG BÁO NGUY HIỂM:

- H303: Có thể gây hại nếu nuốt phải.
- H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
- H410: Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với tác động kéo dài.

#### PHÒNG NGỪA

- P102: bảo quản xa tầm tay trẻ em.
- P210: Tránh xa nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn gây cháy khác – Không hút thuốc.
- P261: Tránh hít bụi/khói/khói.
- P264: Rửa sạch các vùng tiếp xúc sau khi xử lý.
- P270: Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
- P273: Tránh thải ra môi trường.
- P281: Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân khi cần thiết.

#### ỨNG PHÓ

- P301+P312: NẾU NUỐT PHẢI: Gọi cho TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.
- P304+P340: NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái để thở.
- P305+P351+P338: NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Gỡ bỏ kính tiếp xúc nếu có và dễ dàng thực hiện. Tiếp tục rửa.
- P337+P313: NẾU kích ứng mắt vẫn tiếp tục: Tìm kiếm lời khuyên / sự chú ý y tế.
- P391: Thu gom chất tràn.

### BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

**LƯU TRỮ**

P402: Lưu trữ ở nơi khô ráo.

P410: Tránh ánh sáng mặt trời.

**THẢI BỎ**

P501: Vứt bỏ sản phẩm và thùng chứa theo đúng quy định trên nhãn đã đăng ký.

**Tổng quan về Tình trạng khẩn cấp****Mô tả vật lý & màu sắc:** Hộp thiếc có nắp kéo với nhãn chứa bột màu xám nhạt.**Mùi:** Mùi đặc trưng**Các mối nguy đến sức khỏe:** Các triệu chứng và hậu quả của ngộ độc deltamethrin bao gồm: đổ mồ hôi, sốt, lo lắng và nhịp tim nhanh. Nếu nuốt phải, các triệu chứng có thể bao gồm cảm thấy buồn nôn, nôn mửa, tiêu chảy, co giật tay chân và co giật nếu ngộ độc nghiêm trọng. Các nghiên cứu đã chỉ ra nhiều trường hợp ngộ độc deltamethrin qua da sau khi sử dụng trong nông nghiệp mà không có biện pháp xử lý phù hợp cùng với nhiều trường hợp ngộ độc do tai nạn hoặc tự tử qua đường miệng với liều lượng ước tính là 2-250 mg/kg. Uống vào gây đau thượng vị, buồn nôn, nôn và co giật cơ thô. Với liều lượng 100-250 mg/kg, hôn mê xảy ra trong vòng 15-20 phút. Có hại khi hít phải và nếu nuốt phải, tiếp xúc nhiều lần có thể gây khô hoặc nứt da, hơi có thể gây buồn ngủ.**Khả năng ảnh hưởng đến sức khỏe****Hít vào:****Phơi nhiễm trong thời gian ngắn:** Dữ liệu hiện có cho thấy sản phẩm không gây hại.**Phơi nhiễm trong thời gian dài:** Không có dữ liệu về tác động sức khỏe liên quan đến việc hít phải trong thời gian dài.**Đánh vào da:****Phơi nhiễm trong thời gian ngắn:** Có thể gây ra phản ứng dị ứng da. Tuy nhiên, sản phẩm này được đóng gói trong hộp kim loại, nên không gây nguy hiểm khi sử dụng bình thường.**Phơi nhiễm trong thời gian dài:** Không có dữ liệu về tác động sức khỏe liên quan đến việc tiếp xúc lâu dài với da.**Đánh vào mắt:****Phơi nhiễm trong thời gian ngắn:** Sản phẩm này gây kích ứng mắt.**Phơi nhiễm trong thời gian dài:** Không có dữ liệu về tác động sức khỏe liên quan đến việc tiếp xúc trong thời gian dài với mắt.**Nuốt vào:****Phơi nhiễm trong thời gian ngắn:** Tiếp xúc qua đường miệng đáng kể được coi là không có khả năng xảy ra. Dữ liệu có sẵn cho thấy sản phẩm này có thể gây hại. Sản phẩm này có thể gây kích ứng niêm mạc.**Phơi nhiễm trong thời gian dài:** Không có dữ liệu về tác động sức khỏe liên quan đến việc uống phải chất này trong thời gian dài.**Khả năng gây ung thư:****SWA:** Không có thành phần quan trọng được phân loại là chất gây ung thư theo SWA.**NTP:** Không có thành phần quan trọng được phân loại là chất gây ung thư theo NTP.**IARC:** Deltamethrin thuộc Nhóm 3 - không thể phân loại về khả năng gây ung thư cho con người.**Mục 3 – Thành Phần/Thông Tin Về Thành Phần**

Thành phần	Số CAS	Nồng độ, %	TWA (mg/m <sup>3</sup> )	STEL (mg/m <sup>3</sup> )
Deltamethrin	52918-63-5	2	Không thiết lập	Không thiết lập
Kali clorat	3811-04-9	20 - 50	Không thiết lập	Không thiết lập
Amoni clorua	12125-02-9	10 - 20	10	20
Các thành phần không nguy hiểm khác		Đến 100	Không thiết lập	Không thiết lập

Đây là một sản phẩm thương mại mà tỷ lệ chính xác của các thành phần có thể thay đổi chút ít. Lượng nhỏ các thành phần không độc hại khác cũng có thể.

Giá trị phơi nhiễm SWA TWA là nồng độ không khí trung bình của một chất đặc biệt khi tính toán trên một ngày làm việc 8 tiếng bình thường đối với một tuần làm việc có 5 ngày. STEL (Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn) là một giá trị phơi nhiễm mà có thể bằng (nhưng không nên vượt quá) 15 phút và không nên lặp đi lặp lại hơn 4 lần mỗi ngày. Nên cách ít nhất 60 phút giữa những lần phơi nhiễm kế tiếp đối với STEL. Thuật ngữ "đỉnh" được sử dụng khi giới hạn TWA, vì hoạt động nhanh của một chất, không bao giờ được vượt quá, thậm chí trong một thời gian ngắn.

**BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN**

## Mục 4 – Các Biện Pháp Sơ Cứu

### Thông tin chung:

Bạn nên liên hệ ngay với bác sĩ hoặc bệnh viện nếu cảm thấy rằng mình có thể đã bị ngộ độc, bị bỏng hoặc bị kích ứng bởi sản phẩm này. Giữ SDS này khi gọi.

**Hít phải:** Nếu các triệu chứng ngộ độc trở nên rõ ràng, hãy liên hệ với Trung tâm kiểm soát chất độc hoặc gọi bác sĩ ngay lập tức. Loại bỏ nguồn gây ô nhiễm hoặc đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí. Nếu khó thở, oxy có thể có lợi nếu được cung cấp bởi nhân viên được đào tạo, tốt nhất là theo lời khuyên của bác sĩ. KHÔNG để nạn nhân di chuyển không cần thiết. Các triệu chứng phụ phổi có thể chậm lại đến 48 giờ sau khi tiếp xúc.

**Tiếp xúc với da:** Rửa kỹ và mạnh vùng da bị tiếp xúc bằng nước (sử dụng xà phòng không mài mòn nếu cần) trong 5 phút hoặc cho đến khi sản phẩm được loại bỏ.

**Tiếp xúc với mắt:** Nhanh chóng và nhẹ nhàng chải các hạt ra khỏi mắt. Rửa mắt bị nhiễm bằng nước ấm, chảy nhẹ trong 15 phút hoặc cho đến khi sản phẩm được loại bỏ, trong khi giữ cho mí mắt mở. Xin lời khuyên y tế nếu kích ứng trở nên đau đớn hoặc kéo dài hơn một vài phút. Đặc biệt cẩn thận nếu người tiếp xúc đeo kính áp tròng.

**Tiêu hóa:** Nếu nuốt phải, KHÔNG gây nôn. Rửa miệng bằng nước và liên hệ với Trung tâm Thông tin Độc tố, hoặc gọi ngay cho bác sĩ. Giữ bình tĩnh.

## Mục 5 – Biện Pháp Chữa Cháy

**Mối nguy về cháy nổ:** Có nguy cơ cháy nổ ở mức trung bình từ sản phẩm này nếu có số lượng thương mại trong đám cháy. Lính cứu hỏa nên cẩn thận và thực hiện các biện pháp phòng ngừa thích hợp. Các sản phẩm phân hủy do cháy từ sản phẩm này có khả năng gây độc nếu hít phải. Sản phẩm này là thiết bị tạo khói và khi bắt lửa sẽ tạo ra khói có chứa deltamethrin.

Cần thực hiện các biện pháp bảo vệ phù hợp.

**Phương tiện chữa cháy:** Trong trường hợp hỏa hoạn, hãy sử dụng carbon dioxide, hóa chất khô, bọt.

**Chữa cháy:** Khi dập lửa liên quan đến lượng lớn sản phẩm này, hãy mặc bộ đồ bảo hộ toàn thân có khả năng chống nước, kèm theo thiết bị thở tự cung cấp. Làm mát các thùng chứa không bị hư hại tiếp xúc với lửa bằng vòi phun nước.

**Điểm bốc cháy:** 87 °C

**Giới hạn bắt cháy cao nhất:** Không có dữ liệu

**Giới hạn bắt cháy thấp nhất:** Không có dữ liệu

**Nhiệt độ tự bốc cháy:** Không có dữ liệu

**Phân loại tính cháy:** Không có dữ liệu

## Mục 6 – Biện Pháp Xử Lý Rủi Ro

**Xử lý rủi ro:** Trong trường hợp xảy ra sự cố tràn lớn, hãy ngăn chặn sự cố tràn vào cống hoặc nguồn nước. Mặc quần áo bảo hộ toàn thân bao gồm cả bảo vệ mắt/mặt. Phải che phủ toàn bộ vùng da. Xem bên dưới mục Bảo vệ cá nhân liên quan đến Tiêu chuẩn Úc liên quan đến thiết bị bảo vệ cá nhân. Cẩn thận khi sử dụng găng tay không thấm nước. Thiết bị bảo vệ mắt/mặt phải bao gồm tối thiểu là kính bảo hộ. Nếu có khả năng bụi tích tụ đáng kể trong khu vực dọn dẹp, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng Mặt nạ chống bụi phù hợp. Nếu không, thông thường không cần thiết. Ngăn rò rỉ nếu an toàn để làm như vậy và chứa chất tràn. Quét và xúc hoặc thu gom sản phẩm có thể thu hồi vào các thùng chứa có nhãn để tái chế hoặc cứu hộ, và xử lý ngay lập tức. Hãy cân nhắc việc hút bụi nếu thích hợp. Tái chế các thùng chứa bất cứ khi nào có thể sau khi vệ sinh cẩn thận. Tham khảo nhãn sản phẩm để biết hướng dẫn cụ thể. Sau khi đổ tràn, rửa sạch khu vực ngăn chặn nước chảy tràn vào cống. Nếu có một lượng lớn vật liệu chảy vào cống, hãy thông báo cho các dịch vụ khẩn cấp. Thông tin chi tiết đầy đủ về việc xử lý các thùng chứa đã qua sử dụng, chất đổ tràn và vật liệu không sử dụng có thể được tìm thấy trên nhãn. Nếu có bất kỳ mâu thuẫn nào giữa SDS này và nhãn thì hướng dẫn trên nhãn sẽ được áp dụng. Đảm bảo tính hợp pháp của việc xử lý bằng cách tham khảo các quy định trước khi xử lý. Giặt kỹ quần áo bảo hộ trước khi cất giữ hoặc tái sử dụng. Thông báo cho bộ phận giặt về bản chất ô nhiễm khi gửi quần áo bị ô nhiễm đến bộ phận giặt.

## BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

## Mục 7 – Quản Lý Và Lưu Trữ

**Xử lý:** Giảm thiểu tối đa việc tiếp xúc với sản phẩm này và hạn chế tối đa số lượng được lưu giữ tại khu vực làm việc. Kiểm tra Mục 8 của SDS này để biết chi tiết về các biện pháp bảo vệ cá nhân và đảm bảo rằng các biện pháp đó được tuân thủ. Cần tuân thủ các biện pháp được nêu chi tiết bên dưới trong phần "Bảo quản" trong quá trình xử lý để giảm thiểu rủi ro cho những người sử dụng sản phẩm tại nơi làm việc. Ngoài ra, tránh tiếp xúc hoặc làm nhiễm bẩn sản phẩm với các vật liệu không tương thích được liệt kê trong Mục 10.

**Bảo quản:** Sản phẩm này thuộc loại độc chất loại 6. Tuân thủ mọi quy định có liên quan về việc bán, vận chuyển và lưu trữ danh mục chất độc này. Giữ cho các thùng chứa khô ráo và tránh xa nước. Giữ các thùng chứa sản phẩm này ở nơi thông gió tốt. Tránh xa nhiệt và lửa. Tránh xa các nguồn gây cháy như tia lửa điện và ngọn lửa hở. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu đã đóng kín ở nơi khô ráo, thoáng mát, thông gió tốt, tránh ánh nắng trực tiếp. Đảm bảo rằng sản phẩm không tiếp xúc với các chất được liệt kê trong phần "Không tương thích" trong Mục 10. Kiểm tra bao bì - có thể có thêm hướng dẫn bảo quản trên nhãn..

## Mục 8 – Kiểm Soát Phơi Nhiễm Và Bảo Hộ Cá Nhân

Các tiêu chuẩn của Úc sau đây sẽ cung cấp tư vấn tổng quát về quần áo và thiết bị an toàn:

Thiết bị hô hấp: **AS/NZS 1715**, Găng tay bảo hộ: **AS 2161**, Quần áo bảo hộ lao động: bộ AS/NZS 4501 2008, Thiết bị bảo hộ mắt công nghiệp: **AS1336** và **AS/NZS 1337**, Giày bảo hộ lao động: **AS/NZS2210**.

Giới hạn phơi nhiễm SWA	TWA (mg/m <sup>3</sup> )	STEL (mg/m <sup>3</sup> )
Amoni clorua	10	20

ADI cho deltamethrin được đặt ở mức 0,01 mg/kg/ngày. NOEL tương ứng được đặt ở mức 1 mg/kg/ngày. ADI có nghĩa là Lượng hấp thụ hàng ngày có thể chấp nhận được; NOEL có nghĩa là Mức không có tác dụng quan sát được. Dữ liệu từ Danh sách ADI của Úc, tháng 6 năm 2013.

Thông thường không cần thiết bị đặc biệt khi thỉnh thoảng xử lý số lượng nhỏ. Các hướng dẫn sau đây dành cho việc xử lý số lượng lớn hoặc khi tiếp xúc thường xuyên trong môi trường nghề nghiệp mà không có hệ thống ngăn chặn thích hợp.

**Thông thoáng:** Sản phẩm này chỉ nên được sử dụng ở nơi có thông gió đủ để giữ mức phơi nhiễm dưới mức thời gian rung bình.

**Bảo Vệ Mắt:** Nên sử dụng bảo vệ mắt như kính bảo hộ hoặc kính bảo hộ khi sử dụng sản phẩm.

**Bảo Vệ Da:** Bạn nên tránh tiếp xúc ngay cả với các chất gây kích ứng da nhẹ. Do đó, bạn nên đeo găng tay dài đến khuỷu tay không thấm nước và bảo vệ mặt khi xử lý sản phẩm. Xem bên dưới để biết các loại vật liệu phù hợp.

**Các loại vật liệu bảo vệ:** Không có khuyến nghị cụ thể nào cho bất kỳ loại vật liệu bảo vệ cụ thể nào.

**Mặt nạ:** Nên sử dụng mặt nạ phòng độc nửa mặt trong và sau khi sử dụng sản phẩm, bao gồm cả khi mới vào lại vùng đã xử lý.

## Mục 9 – Đặc Tính Lý Hóa

<b>Ngoại dạng và màu sắc:</b>	Hộp kim loại có nắp kéo với nhãn chứa bột màu xám nhạt.
<b>Mùi:</b>	Mùi đặc trưng.
<b>Điểm sôi:</b>	Không có sẵn
<b>Điểm đóng băng/ Nóng chảy:</b>	Không có dữ liệu cụ thể. Rắn ở nhiệt độ bình thường
<b>Chất bay hơi:</b>	Không có dữ liệu
<b>Áp suất hơi:</b>	Không có dữ liệu
<b>Tỷ trọng hơi nước:</b>	Không áp dụng
<b>Tỷ trọng:</b>	0.89 g/cm <sup>3</sup>
<b>Độ hòa tan trong nước:</b>	Không hòa tan
<b>Độ pH:</b>	Không có dữ liệu
<b>Độ bay hơi:</b>	Không có dữ liệu
<b>Tốc độ bay hơi:</b>	Không áp dụng

## BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

## Mục 10 – Độ Ổn Định Và Khả Năng Phản Ứng

**Khả năng phản ứng:** Sản phẩm này khó có thể phản ứng hoặc phân hủy trong điều kiện bảo quản thông thường. Tuy nhiên, nếu bạn có bất kỳ nghi ngờ nào, hãy liên hệ với nhà cung cấp để được tư vấn về đặc tính thời hạn sử dụng.

**Điều kiện cần tránh:** Sản phẩm này phải được bảo quản ở nơi mát mẻ, tốt nhất là dưới 30 °C. Đóng chặt các thùng chứa. Các thùng chứa phải được giữ khô ráo. Giữ cho các thùng chứa và khu vực xung quanh được thông gió tốt.

**Không tương thích:** Các chất oxy hóa mạnh.

**Phân hủy do cháy:** Quá trình đốt cháy tạo thành carbon dioxide và nếu không hoàn toàn, carbon monoxide và có thể tạo ra khói. Nước cũng được tạo thành. Có thể tạo thành nitơ và các hợp chất của nó, và trong một số trường hợp, tạo thành oxit nitơ. Đôi khi tạo ra khí hydro xyanua trong khí quyển. Có thể tạo thành oxit lưu huỳnh (lưu huỳnh dioxide là mối nguy hiểm cho đường hô hấp) và các hợp chất lưu huỳnh khác. Hầu hết sẽ có mùi hôi thối. Có thể tạo thành khí hydro clorua, các hợp chất khác của clo. Hợp chất kali, deltamethrin. Ngộ độc carbon monoxide gây ra đau đầu, yếu, buồn nôn, chóng mặt, lú lẫn, mờ mắt, rối loạn phán đoán và bất tỉnh sau đó là hôn mê và tử vong.

**Phản ứng Polime hóa:** Sản phẩm này sẽ không xảy ra phản ứng polime hóa.

## Mục 11 – Thông Tin Độc Chất

**Độc tính:** Hồ sơ thông tin về deltamethrin có tại <http://extoxnet.orst.edu/pips/ghindex.html>

**Độc tính cấp tính:** LD<sub>50</sub> đường uống cấp tính ở chuột đực dao động từ 128 mg/kg đến hơn 5.000 mg/kg tùy thuộc vào người mang mầm bệnh và điều kiện nghiên cứu; LD<sub>50</sub> ở chuột cái là 52 mg/kg và các giá trị đã công bố khác dao động từ 31 đến 139 mg/kg. LD<sub>50</sub> đường da cấp tính ở thỏ lớn hơn 2.000 mg/kg. Không có báo cáo nào về kích ứng da và kích ứng mắt nhẹ.

**Tác động sinh sản:** Cho chuột uống deltamethrin vào ngày thứ 7 đến ngày thứ 16 của thai kỳ làm giảm tăng cân liên quan đến liều lượng nhưng không ảnh hưởng đến số lượng cấy ghép, tỷ lệ tử vong của thai nhi, cân nặng hoặc dị tật của thai nhi.

**Tác động gây quái thai:** Không có báo cáo nào về tác động gây quái thai ở chuột, chuột cống hoặc thỏ. Deltamethrin không có hoạt tính gây quái thai.

**Tác dụng gây đột biến:** Không có tác dụng gây đột biến ở chuột, chuột cống hoặc thỏ. Deltamethrin không có hoạt tính gây đột biến.

**Tác dụng gây ung thư:** Không có thông tin.

## Sự Phân Loại Các Thành Phần Độc Hại

### Thành phần

### Ký hiệu nguy hiểm

Không có thành phần nào được đề cập trong Cơ sở dữ liệu HSIS có trong sản phẩm này ở nồng độ nguy hiểm

## Mục 12 – Thông Tin Sinh Thái

Rất độc đối với sinh vật thủy sinh, có thể gây ra tác động tiêu cực lâu dài đối với môi trường thủy sinh. Sản phẩm này không có khả năng gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

**Tác động đến chim:** Deltamethrin LC<sub>50</sub> trong 8 ngày đối với vịt >4.640 mg/kg thức ăn; và 10.000 mg/kg thức ăn đối với chim cút.

**Tác động đến sinh vật thủy sinh:** Cũng giống như nhiều loại pyrethroid khác, deltamethrin có độc tính cao đối với cá trong điều kiện phòng thí nghiệm. Trong điều kiện thực địa, cá không bị tổn hại. Trong các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm, LC<sub>50</sub> đối với cá là 1-10 µg/L. Động vật thủy sinh, đặc biệt là giáp xác, có thể bị ảnh hưởng, nhưng cá không bị tổn hại trong điều kiện sử dụng bình thường.

**Tác động đến các loài động vật khác (không phải loài mục tiêu):** Deltamethrin được coi là độc đối với ong.

### ĐỊNH HÌNH MÔI TRƯỜNG

**Sự phân hủy hóa chất trong đất và nước ngầm:** Trong đất, sự phân hủy xảy ra trong vòng 1-2 tuần.

**Phân hủy hóa chất trong nước mặt:** Deltamethrin trong nước ao được hấp thụ nhanh chóng, chủ yếu là bởi trầm tích, ngoài ra còn được cây hấp thụ và bốc hơi vào không khí.

**Phân hủy hóa chất trong thực vật:** Khoảng 10 ngày sau khi sử dụng, không thấy dư lượng deltamethrin trên thực vật. Không có độc tính thực vật nào được biết đến đối với cây trồng.

## Mục 13 – Phương Cách Thải Bỏ

**Thải bỏ:** Hướng dẫn liên quan đến việc thải bỏ sản phẩm này và vỏ hộp thiếc được cung cấp trên nhãn hộp giấy. Cần tuân theo những chỉ dẫn này.

## BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

**Mục 14 – Thông Tin Vận Chuyển**

Số UN:	3077
Tên vận chuyển chính thức của UN:	CHẤT NGUY HIỂM MÔI TRƯỜNG, RẮN, N.O.S. (chứa Deltamethrin)
Lớp vận chuyển:	9
Nhóm đóng gói:	III
Nguy hiểm môi trường:	Có

Theo AU01 của Quy định Đặc biệt của Úc, Chất Nguy hiểm Môi trường đáp ứng mô tả của UN3082 không thuộc phạm vi của Mã này (ADG 07) khi vận chuyển bằng đường bộ và đường sắt trong:

- bao bì không chứa vật chứa vượt quá 500 kg (L); hoặc
- IBC.

Chất gây ô nhiễm môi trường biển được chỉ định số UN 3077 và 3082 trong bao bì đơn hoặc kết hợp chứa khối lượng tịnh cho mỗi bao bì đơn hoặc bao bì bên trong là 5 L trở xuống đối với chất lỏng hoặc có khối lượng tịnh cho mỗi bao bì đơn hoặc bao bì bên trong là 5 kg trở xuống đối với chất rắn có thể được vận chuyển như hàng hóa không nguy hiểm theo quy định tại mục 2.10.2.7 của mã IMDG, quy định đặc biệt A197 của IATA và quy định đặc biệt 375 của ADR/RID.

Vật liệu này không phải là vật liệu nguy hiểm theo định nghĩa của Bộ Giao thông Vận tải Hoa Kỳ 49 CFR Phần 100 đến 185, trừ khi được vận chuyển trong bao bì số lượng lớn. Phân loại này chỉ liên quan đến việc vận chuyển trong bao bì số lượng lớn [(>119 gal, chất lỏng) hoặc (882 lb, chất rắn)].

**Section 15 - Regulatory Information**

Tất cả các thành phần chính trong công thức này đều tuân thủ các quy định của NICNAS.

**Mục 16 – Thông Tin Khác**

**SDS này chỉ chứa thông tin liên quan đến an toàn. Đối với dữ liệu khác, xem các tài liệu về sản phẩm.**

Nếu có bất cứ mâu thuẫn nào giữa SDS này và nhãn sản phẩm đã đăng ký, xin tham khảo thông tin trên nhãn.

**Từ viết tắt:**

<b>ADG Code</b>	Luật vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ và đường sắt của Úc (ấn bản thứ 7)
<b>AICS</b>	Bảng tóm tắt của các chất hóa học Úc
<b>SWA</b>	An Toàn Lao Động Úc, tiền thân là ASCC và NOHSC
<b>CAS number</b>	Số đăng ký CAS (Dịch vụ tóm tắt hóa chất)
<b>Hazchem Code</b>	Mã số hoặc chữ cái cho hành động khẩn cấp nhằm cung cấp thông tin cho các dịch vụ khẩn cấp, đặc biệt là lính cứu hỏa
<b>IARC</b>	Cơ quan nghiên cứu quốc tế về ung thư
<b>NOS</b>	Không có chỉ định khác
<b>NTP</b>	Chương trình độc chất quốc gia (Hoa Kỳ)
<b>R-Phrase</b>	Ký hiệu nguy hiểm
<b>SUSMP</b>	Tiêu chuẩn về danh mục thống nhất của thuốc & chất độc
<b>UN Number</b>	Số UN

SDS NÀY TỔNG KẾT NHỮNG KIẾN THỨC TỐT NHẤT CỦA CHÚNG TÔI VỀ THÔNG TIN CÁC MỐI NGUY ĐẾN SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA SẢN PHẨM, VÀ CÁCH XỬ LÝ AN TOÀN VÀ CÁCH SỬ DỤNG SẢN PHẨM TẠI NƠI LÀM VIỆC. MỖI NGƯỜI SỬ DỤNG PHẢI XEM KỸ SDS NÀY TRONG MỤC SẢN PHẨM SẼ ĐƯỢC XỬ LÝ VÀ SỬ DỤNG NHƯ THẾ NÀO TẠI NƠI LÀM VIỆC.

NẾU VIỆC LÀM RÕ HOẶC BIẾT THÊM THÔNG TIN LÀ CẦN THIẾT ĐỂ CÓ THỂ ĐƯỢC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ RỦI RO HÍCH HỢP, NGƯỜI SỬ DỤNG NÊN LIÊN HỆ CÔNG TY CHÚNG TÔI ĐỂ CHÚNG TÔI CÓ THỂ CỐ GẮNG THU THẬP THÊM THÔNG TIN TỪ CÁC NHÀ CUNG CẤP CỦA CHÚNG TÔI.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHÚNG TÔI VỀ SẢN PHẨM ĐƯỢC BÁN TÙY THUỘC VÀO CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN TIÊU CHUẨN CỦA CHÚNG TÔI, MỘT BẢN SAO TRONG SỐ ĐÓ SẼ ĐƯỢC GỬI ĐẾN KHÁCH HÀNG VÀ LUÔN CÓ SẴN THEO YÊU CẦU.

Vui lòng đọc kỹ nhãn trước khi sử dụng sản phẩm.

™ Nhãn hiệu của Ensysstex, Inc. Văn Phòng Đại Diện Ensysstex Company Limited Tại Thành Phố Hồ Chí Minh được phép sử dụng.

**BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN**

Phát hành: VPĐD Ensysstex Company Limited Tại Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 22539507